TÒA ÁN NHÂN DÂN TX . PHÚ MỸ **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HSST
Ngày 26-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Châu
Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh D (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1982 tại Đồng Nai; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đi; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị G (tên gọi khác Trần Thị C); Tiền sự: không.

Tiền án:

- Bản án số 72/HSST ngày 06-12-2000 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 40/HSST ngày 24-06-2002 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ".

- Bản án số 03/HSST ngày 07-01-2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội " Cố ý gây thương tích", 02 năm tù về tội " Cướp tài sản ", 01 năm tù về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ". Tổng hợp hình phạt với bản án số 40/HSST ngày 24-06-2002 là 10 năm 06 tháng tù.

- Bản án số 23/2007/HSST ngày 22-03-2007 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt tù còn lại 05 năm 08 tháng 23 ngày của Bản án số 03/HSST ngày

07-01-2003, hình phạt chung là 10 năm 08 tháng 23 ngày. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08-08-2017.

Bị cáo bị bắt ngày 30 tháng 09 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị hại: Công ty N - Địa chỉ trụ sở: Số C, khu dân cư M, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thủy T - Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị N - Phó giám đốc phòng hành chính. Địa chỉ: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (Giấy ủy quyền ngày 27-09-2019 - có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh D có ý định yêu cầu Công ty N (viết tắt Công ty N) hiện đang thi công tại nhà máy H thuộc khu công nghiệp M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải đưa tiền cho D, nếu không D sẽ không cho công nhân của công ty vào làm việc tại nhà máy. Cụ thể như sau:

Hành vi thứ nhất: Ngày 25-06-2019, D gọi điện cho anh Đoàn Công Y là giám sát của Công ty N, yêu cầu anh Y nói lại với Giám đốc Công ty N phải đưa cho D số tiền 20.000.000 đồng thì D mới đảm bảo cho công nhân của Công ty N vào làm việc ở nhà máy H bình thường. Anh Y báo lại sự việc trên với chị Lê Thị Thủy T là giám đốc của Công ty N. Do sợ D gây khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động của công ty nên chị T đã hẹn gặp D tại quán cà phê T thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. D đồng ý nên đến điểm hẹn gặp chị T.

Đến chiều cùng ngày, chị T đi cùng chị Trần Thị N, anh Đào Biên C là nhân viên của Công ty N đến điểm hẹn gặp D. D yêu cầu chị T phải đưa số tiền 20.000.000 đồng thì D sẽ đảm bảo cho các công nhân của Công ty N vào làm việc bình thường tại Nhà máy H, nếu không đưa tiền thì D sẽ gây khó khăn cho các công nhân của công ty. Sau khi thỏa thuận, chị T đã đưa cho D số tiền 5.000.000 đồng để D đảm bảo cho công nhân của công ty chị T đi làm bình thường trong một năm, D đồng ý và nhận tiền từ chị T.

Hành vi thứ hai: Ngày 21-09-2019, D tiếp tục gọi điện cho chị Lê Thị Thủy T, yêu cầu chị T đưa cho D số tiền 40.000.000 đồng, nếu không D sẽ không cho công nhân của Công ty N vào làm việc tại Nhà máy H. Chị T giao cho chị N đến gặp và thỏa thuận với D.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30-09-2019, chị N gặp D ở quán cà phê A thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại đây, chị N thỏa thuận Công ty N đưa cho D số tiền 10.000.000 đồng để D đảm bảo cho công nhân của Công ty N vào làm việc ở nhà máy H bình thường. D đồng ý và nhận tiền từ chị N xong thì bị lực lượng Công an thị xã Phú Mỹ bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm số tiền 10.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 điện thoại hiệu XiaoMi.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 17-01-2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Nguyễn Minh D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 04 đến 05 năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Phú Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo xác định ngày 25-06-2019, bị cáo đã gọi điện thoại cho anh Đoàn Công Yên, dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với người đại diện của Công ty N nhằm chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của Công ty N. Đến chiều ngày 25-06-2019, tại quán cà phê T thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, người đại diện của Công ty N đã đưa cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 21-09-2019, D tiếp tục gọi điện cho chị Lê Thị Thủy T dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với người đại diện của Công ty N nhằm chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của Công ty N. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30-09-2019, tại quán cà phê A thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, khi bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng của Công ty N thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự khác, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét thấy, tội cưỡng đoạt tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức, tội phạm đã hoàn thành từ thời điểm người phạm tội đã thực hiện một trong các hành vi đe dọa hoặc hành vi khác uy hiếp được tinh thần của người chủ tài sản mà không phụ thuộc vào việc người phạm tội có chiếm đoạt được tài sản hay không. Trên thực tế tại thời điểm bị cáo dùng lời nói đe dọa sẽ gây khó khăn, cản trở hoạt động sản suất bình thường của công ty và thể hiện mục đích của bị cáo nhằm chiếm đoạt của Công ty N lần thứ nhất số tiền cụ thể là 20.000.000đ, lần thứ hai số tiền cụ thể là 40.000.000 đ. Vì vậy, đủ căn cứ chứng minh ý thức chủ quan của bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt của Công ty N tổng số tiền cụ thể là 60.000.000 đ.

Tại Mục 2, Phần II - Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA - BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng về các tội xâm phạm sở hữu quy định: "Trong trường hợp có đầy đủ căn cứ chứng minh người có hành vi xâm phạm sở hữu có ý định xâm phạm đến tài sản có giá trị cụ thể theo ý thức chủ quan của họ, thì lấy giá trị tài sản đó để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi xâm phạm". Vì vậy, Hội đồng xét xử không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015 với các tình tiết định khung hình phạt: Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000đ, tái phạm nguy hiểm.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, ảnh hưởng xấu trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án hình sự mức án nghiêm nhưng không có ý thức ăn năn hối cải, sữa chữa lỗi lầm mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, tương ứng với đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của Công ty N không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu bạc và 01 điện thoại hiệu XiaoMi màu bạc; bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8]. Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản".

2. Áp dụng: Điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Minh D 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 09 năm 2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu bạc và 01 điện thoại hiệu XiaoMi màu bạc.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 40 ngày 20-01-2020.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.